TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DS-PT
Ngày: 05 - 3 - 2025
V/v tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Trần Nam Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Huỳnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 02 và ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 304/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị B, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Minh T, là Luật sư trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Thiện K, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Danh Thị Đ, sinh năm 1970 (có mặt) và chị Trần Thị Mộng Y, sinh năm 1999 (có mặt); cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Tô Minh S, là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV T tại Cần Thơ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; địa chỉ: Số 64, đường 3, ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Trần Thiện Q, sinh năm 1962; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Anh Trần Hoàng N, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Anh Trần Hoàng Ơ, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

5. Chị Trần Thị Cẩm G, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng N, anh Trần Hoàng Ơ và chị Trần Thị Cẩm G: Bà Trần Thị B, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02/01/2025). (có mặt).

6. Ông Trần Thiện V, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

7. Ông Trần Hoàng Â, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8. Bà Trương Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

9. Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng Â, bà Trương Thị H và ông Trần Hoàng M: Bà Trần Thùy Ư, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 31/12/2024). (có mặt).

10. Bà Danh Thị Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

11. Anh Trần Hoài Y, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

12. Chị Trần Thị Mộng Y, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

13. Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Thiện K, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày và yêu cầu như sau:

Cha bà là cụ Trần Thiện Y, sinh năm 1918 (chết ngày 29/6/1984) và mẹ bà là cụ Quách Thị Z (tên thường gọi là Quách Thị Sượl), sinh năm 1931 (chết ngày 02/10/2008), cha mẹ bà sống chung với nhau có tất cả 08 người con gồm các ông (bà): Trần Thị Tú Hồng, Trần Văn D, Trần Hoàng Â, Trần Thiện Q, Trần Thiện Gia, Trần Thiện V, Trần Thị B và Trần Thiện K. Trong đó, bà Trần Thị Tú Hồng đã chết năm 1975, không có chồng con; ông Trần Thiện Gia đã chết năm 2006, có vợ đã ly hôn và 03 người con là anh Trần Hoàng N, anh Trần Hoàng Ơ và chị Trần Thị Cẩm G.

Lúc sinh thời, Cụ L và cụ Z tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là thửa đất số 326). Nguồn gốc thửa đất là của ông nội của bà là cụ Trần Minh Thuận khai phá làm đất vườn sau đó để lại cho Cụ L. Năm 1984, Cụ L chết không để lại di chúc, phần đất được cụ Z tiếp tục quản lý, sử dụng và đứng tên sổ mục kê nhưng chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 1998, cụ Z tặng cho ông Trần Hoàng Â một phần của thửa đất này ngang 15m, tại vị trí nhà của ông Tuấn ở hiện nay, theo đo đạc thực tế có diện tích 654,2m^2. Đến năm 2008, cụ Z chết không để lại di chúc. Hiện nay, một phần của thửa đất này đã tách thành thửa đất số 682, tờ bản đồ số 04 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Khưu Ô đứng tên ngày 21/3/2013; một phần do ông Trần Thiện K ở chung với cụ Z nên tiếp tục quản lý, sử dụng theo đo đạc thực tế có diện tích 2.862,5m^2.

Theo đơn khởi kiện, bà Trần Thị B yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế theo pháp luật là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 326 làm 07 kỷ phần cho 07 đồng thừa kế gồm: Trần Văn D, Trần Hoàng Â, Trần Thiện Q, Trần Thiện Gia, Trần Thiện V, Trần Thị B, Trần Thiện K. Khi phân chia, bà Trần Thị B xin nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật.

- Theo Đơn phản tố, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Thiện K, đồng thời đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoài Y trình bày và yêu cầu như sau:

Ông Trần Thiện K thống nhất với nội dung trình bày của bà Trần Thị B về thời điểm mở thừa kế, quan hệ thừa kế của Cụ L và cụ Z. Về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng và hiện trạng quản lý, sử dụng thửa đất số 326 gồm 03 phần như bà B trình bày thì ông cũng thống nhất. Tuy nhiên, đối với yêu cầu của bà B về việc phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 326 thì ông không đồng ý. Theo kết quả đo đạc thực tế, phần đất mà ông đang quản lý, sử dụng có diện tích 2.559,5m^2 (đã trừ lộ giới 303m^2). Trên phần đất này ông đã xây dựng nhà, trồng cây lâu năm và các công trình khác từ rất lâu.

Nay ông Trần Thiện K yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn bà B do hết thời hiệu khởi kiện. Đồng thời, công nhận quyền sử dụng đất của ông đối với một phần thửa đất số 326 (25), tờ bản đồ số 04 (56), tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, diện tích theo đo đạc thực tế là 2.559,5m^2, loại đất ONT + CLN hiện do ông quản lý, sử dụng để ông được đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua tên cá nhân ông theo thời hiệu sử dụng trên 30 năm được quy định tại Điều 236 của Bộ luật Dân sự.

Đối với phần đất ông Trần Hoàng Â đang quản lý, sử dụng diện tích 654,2m^2, thuộc một phần của thửa đất số 326 là được mẹ (là cụ Z) tặng cho vào năm 1998, ông không yêu cầu và anh chị em cũng không ai tranh chấp. Đối với diện tích đất trước đây thuộc một phần của thửa đất số 326 do cụ Z đứng tên sổ mục kê nhưng do ông Khưu Ô đang sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 thì ông cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D, ông Trần Thiện Q, ông Trần Thiện V cùng có ý kiến trình bày:

Các ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị B, ông Trần Thiện K về thời điểm mở thừa kế, quan hệ thừa kế của Cụ L và cụ Z. Về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng và hiện trạng quản lý, sử dụng thửa đất số 326 gồm 03 phần như bà B trình bày thì các ông cũng thống nhất.

Đối với phần đất ông Trần Hoàng Â đang quản lý, sử dụng diện tích 654,2m^2, thuộc một phần của thửa đất số 326 là được mẹ (là cụ Z) tặng cho vào năm 1998, các ông không yêu cầu và anh, chị em cũng không ai tranh chấp. Đối với diện tích đất trước đây thuộc một phần của thửa đất số 326 do cụ Z đứng tên sổ mục kê nhưng do ông Khưu Ô đang sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2013 thì các ông cũng không có yêu cầu gì.

Phần diện tích còn lại của thửa đất số 326, theo đo đạc thực tế có diện tích 2.862,5m^2, bà B yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thì các ông đồng ý. Tuy nhiên, phần các ông được hưởng xin nhường lại cho bà B đủ một phần làm nền nhà, ngang 10m x dài 60m; còn lại bao nhiêu thì để cho ông K được hưởng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hoàng Â, đồng thời đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H và ông Trần Hoàng M trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị B, ông Trần Thiện K về thời điểm mở thừa kế, quan hệ thừa kế của Cụ L và cụ Z. Về nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng và hiện trạng quản lý, sử dụng thửa đất số 326 gồm 03 phần như bà B trình bày thì ông cũng thống nhất.

Đối với phần đất ông đang quản lý, sử dụng diện tích 654,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 326 là được mẹ (là cụ Z) tặng cho vào năm 1998. Việc tặng cho không có làm giấy tờ nhưng tất cả các anh, chị em đều thừa nhận. Ông đã cất nhà ở, sử dụng đất ổn định cho đến nay và phần đất này không có tranh chấp, nên ông không có yêu cầu gì. Đối với phần đất trước đây thuộc một phần thửa đất số 326 do cụ Z đứng tên sổ mục kê nhưng ông Khưu Ô đang sử dụng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2013 nên ông cũng không có yêu cầu.

Phần đất còn lại của thửa đất số 326 theo đo đạc thực tế diện tích 2.862,5m^2, bà B yêu cầu chia thừa kế thì để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Riêng cá nhân ông xin từ chối nhận di sản của Cụ L và cụ Z, nếu Tòa án chấp nhận chia thừa kế, ông không có yêu cầu gì khác trong vụ án này.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng N, đồng thời đại diện cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng Ơ, chị Trần Thị Cẩm G trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của bà Trần Thị B, ông Trần Thiện K về thời điểm mở thừa kế, quan hệ thừa kế của Cụ L và cụ Z. Về nguồn gốc đất, diễn biến quá trình sử dụng và hiện trạng quản lý, sử dụng thửa đất số 326 gồm 03 phần như bà B, ông K đã trình bày thì anh cũng thống nhất.

Đối với di sản của bà nội (là cụ Z) để lại thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, nếu chia thừa kế theo pháp luật mà cha của anh là Trần Thiện Gia được hưởng bao nhiêu thì kỷ phần thừa kế được hưởng đó anh và các em là Trần Hoàng Ơ, Trần Thị Cẩm G xin nhường lại toàn bộ cho cô là Trần Thị B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị Đ, chị Trần Thị Mộng Y và anh Nguyễn Văn X trình bày:

Thống nhất theo ý kiến, nội dung trình bày và yêu cầu phản tố của ông Trần Thiện K.

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Trần Thị B rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia di sản thừa kế là phần đất có diện tích 654,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04 do ông Trần Hoàng Â đang quản lý, sử dụng và một phần đất trước đây thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04 nhưng nay đã tách thành thửa đất số 682, tờ bản đồ số 04 do ông Khưu Ô đang quản lý, sử dụng và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 008159 ngày 21/3/2013.

+ Bị đơn ông Trần Thiện K giữ nguyên yêu cầu phản tố.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế của Cụ L và cụ Z để lại; không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu thừa kế và công nhận quyền sử dụng đất của bị đơn.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày tranh luận, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế theo pháp luật của Cụ L và cụ Z; đồng thời, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận cho bị đơn được quyền sử dụng phần đất diện tích 2.559,5m^2 (đã trừ 303m^2 chỉ giới giao thông), thuộc thửa đất số 236 do đã hết thời hiệu thừa kế.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 đã quyết định: Căn cứ vào khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Án lệ số

26/2018/AL ngày 17/10/2018; khoản 4 Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Điều 634, Điều 635, khoản 2 Điều 638, Điều 640, Điều 642, Điều 675, Điều 676, Điều 677, khoản 2 Điều 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 623, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 45 của Luật Đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 654,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04 do ông Trần Hoàng Â đang quản lý, sử dụng và một phần đất trước đây thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04 nhưng nay đã tách thành thửa đất số 682, tờ bản đồ số 04 do ông Khưu Ô đang quản lý, sử dụng, đồng thời đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Thiện Y để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, do hết thời hiệu thừa kế.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B về việc phân chia phần di sản của cụ Quách Thị Z; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Thiện K về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với phần di sản của cụ Trần Thiện Y, do hết thời hiệu thừa kế, cụ thể như sau:

* Bà Trần Thị B được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 608,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 326 (25), tờ bản đồ số 04 (56), tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất chia cho ông Trần Thiện K, có số đo 60m.

- Hướng Tây giáp phần đất ông Trần Hoàng Â đang quản lý, sử dụng và một phần thửa đất số 1243-ĐC4, có số đo 44,15m + 15,85m.

- Hướng Nam giáp Đường huyện 73, có số đo 10m.

- Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông Trần Thiện K, có số đo 10m.

Phần đất bà Trần Thị B được chia có một phần đất thuộc chỉ giới giao thông diện tích 99,4m^2, số đo tứ cận thể hiện theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ngã Năm (kèm theo).

Buộc ông Trần Thiện K, bà Danh Thị Đ, chị Trần Thị Mộng Y, anh Nguyễn Văn X, anh Trần Hoài Y có nghĩa vụ di dời toàn bộ cây trồng, tháo dỡ phần nhà sinh hoạt cộng đồng và phần chuồng gà gắn liền trên diện tích 608,2m^2 mà bà Trần Thị B được hưởng thừa kế để giao đất cho bà Trần Thị B.

* Ông Trần Thiện K được hưởng thừa kế phần đất còn lại trong khối di sản của cụ Quách Thị Z và công nhận cho ông Trần Thiện K được quyền sử dụng đất đối với phần di sản của cụ Trần Thiện Y do hết thời hiệu thừa kế, có tổng diện tích đo đạc thực tế là 2.254,3m^2, thuộc một phần thửa đất số 326 (25), tờ bản đồ số 04 (56), tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp các thửa đất số 107, 1210-ĐC4, có số đo 10,35m + 36,48m + 25,04m + 0,60m + 15,97m + 63,20m.

- Hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Trần Thị B và các thửa đất số 1243-ĐC4, 1152-ĐC4, có số đo 60m + 10m + 37,17m + 32,49m.

- Hướng Nam giáp Đường huyện 73, có số đo 20,28m.

- Hướng Bắc giáp thửa đất số 1179-ĐC4, có số đo 9,67m.

Phần đất ông Trần Thiện K được hưởng thừa kế và được công nhận có một phần đất thuộc chỉ giới giao thông diện tích 203,6m^2, số đo tứ cận cụ thể theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ngã Năm *(kèm theo)*.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Thiện K về việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thiện K đối với phần di sản của cụ Quách Thị Z để lại có diện tích là 1.431,25m^2 (151,5m^2 chỉ giới giao thông) thuộc thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Đến ngày 11/9/2024, bị đơn ông K có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm nhận cùng ngày và được sửa đổi, bổ sung ngày 17/9/2024, về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 theo hướng chia cho bà B nhận giá trị bằng tiền là 168.000.000 đồng trên tổng diện tích đất được chia là 608,2m^2, ông đồng ý nhận đất trả giá trị cho bà B. Nếu trường hợp không được chấp nhận, thì yêu cầu bà B trả giá trị cây trồng và tài sản trên đất cho ông với số tiền là 150.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà B không rút đơn khởi kiện và cho rằng: Trước đây, cha mẹ bà có hứa cho bà đất để cất nhà ở nhưng chưa cho, hiện nay bà không có chỗ ở, bà chỉ yêu cầu được nhận phần đất ngang 10m và dài 60m để cất nhà ở, phần đất thừa bà vẫn để cho ông K, bà không đồng ý nhận thêm đất; còn đối với cây trồng trên đất bà đồng ý trả giá trị theo kết quả thẩm định giá của Tòa án cấp sơ thẩm, số cây trồng phát sinh sau này bà không đồng ý; đối với nhà sinh hoạt cộng đồng đã hư hỏng xuống cấp không còn sử dụng được nên bà không đồng ý nhận, nên yêu cầu tháo dỡ, di dời đi nơi khác kể cả chuồng gà và bà đồng ý hỗ trợ tháo dỡ, di dời tài sản cho ông K với số tiền 5.000.000 đồng; bà không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông K.

+ Người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Đ và bà Y không rút đơn phản tố; không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Hiện nay bà B đã có chỗ ở khác, nên đề nghị được trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà B với số tiền là 168.000.000 đồng. Không đồng ý chia cho bà B chiều ngang và diện tích đất lớn hơn so với bản án sơ thẩm. Trước khi xét xử sơ thẩm thì ông K có biết kết quả thẩm định giá tài sản, nhưng không có yêu cầu thẩm định giá lại. Nhà sinh hoạt cộng đồng và chuồng gà có kết cấu tiền chế. Nếu không chấp nhận đối với yêu cầu trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà B thì yêu cầu buộc bà B trả giá trị cây trồng trên đất và giá trị tài sản là nhà sinh hoạt cộng đồng, chuồng gà và nhà bếp cho ông K theo giá đã

định.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, ông Q, ông V thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà B.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Phần đất bà B yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là của cha mẹ bà B chết để lại không có lập di chúc cho ai, nên bà B yêu cầu chia thừa kế và xin được nhận hiện vật là phù hợp với quy định của pháp luật, vì bà B chưa có nhà ở. Việc ông K yêu cầu trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà B với số tiền 168.000.000 đồng bà B không đồng ý. Đối với cây trồng trên đất, sau khi thẩm định giá tài sản thì Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo cho ông K biết, ông K đồng ý nên không có yêu cầu thẩm định giá lại. Còn đối với nhà sinh hoạt cộng đồng và chuồng gà có kết cấu tiền chế có thể tháo dỡ, di dời được, nhà sinh hoạt cộng đồng nằm trong chỉ giới giao thông và đã bị hư hỏng không còn sử dụng được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, đề nghị ghi nhận ý kiến tự nguyên của bà B về việc bà B đồng ý trả giá trị cây trồng cho ông K theo kết quả thẩm định giá ở cấp sơ thẩm và hỗ trợ tháo dỡ, di dời tài sản cho ông K số tiền 5.000.000 đồng.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm phân chia thừa kế cho bà B nhận hiện vật là chưa phù hợp, vì hiện nay bà B đã có chỗ ở khác, nên đề nghị cho ông K được trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà B với số tiền là 168.000.000 đồng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm buộc phía bị đơn tháo dỡ, di dời cây trồng, nhà sinh hoạt cộng đồng và chuồng gà để giao trả đất cho bà B mà không buộc trả giá trị cây trồng và giá trị tài sản cho ông K là chưa xem xét, giải quyết đến quyền lợi của ông K đầu tư trồng và xây dựng. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể đối với phần xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất tranh chấp chưa đầy đủ, còn thiếu một số cây trồng và nhà tạm nấu cơm. Mặt khác, phần đất tranh chấp nêu trên do ông K quản lý, sử dụng từ năm 1993 đến nay có nhiều công sức trong việc bồi đắp, cải tạo đất nhằm làm tăng giá trị đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ phân chia cho ông K thêm 01 kỷ phần thừa kế là chưa phù hợp và Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc ông K trả giá trị kỷ phần thừa kế cho bà B là thiệt thòi cho ông K. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông K, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông K.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì HĐXX, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX chấp chấp nhận một phần kháng cáo của ông K và áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo hướng buộc bà B trả cho ông K giá trị cây trồng trên đất và hỗ trợ tháo dỡ, di dời tài sản trên đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ ba (sau khi tạm ngừng), bị đơn ông Trần Thiện K; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng N, anh Trần Hoàng Ơ, chị Trần Thị Cẩm G, ông Trần Hoàng Â, bà Trương Thị H, ông Trần Hoàng M đều vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; anh Trần Hoài Y, anh Nguyễn Văn X đều vắng mặt không rõ lý do; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông K là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo án sơ thẩm xác định các bên đương sự đều thống nhất di sản của Cụ L và cụ Z chết để lại là phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 2.862,5m^2, thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ngoài phần đất đang tranh chấp, sinh thời Cụ L và cụ Z cũng tạo lập được những phần đất khác nhưng đã tặng cho các con. Cụ L chết năm 1984 và cụ Z chết năm 2008, có tất cả 08 người con chung (trong đó, có 01 người từ chối nhận di sản thừa kế và 01 người đã chết không có người thừa kế thế vị). Cụ Z chết không để lại di chúc. Do đó, xác định di sản của cụ Z chết để lại có tranh chấp, cần giải quyết trong vụ án là ½ diện tích 2.862,5m^2 = 1.431,25m^2 (trong đó, có 151,5m^2 chỉ giới giao thông) và phân chia cho bà B 05 kỷ phần (trong đó, có 04 kỷ phần được tặng cho) với diện tích 608,2m^2, phân chia cho ông K 02 kỷ phần (trong đó, có 01 kỷ phần công sức bồi đắp, cải tạo để làm tăng giá trị QSDĐ) với diện tích 823,05m^2. Đồng thời, xác định ½ di sản của Cụ L diện tích 1.431,25m^2 là hết thời hiệu khởi kiện và công nhận cho ông K phần diện tích đất này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 609, 611, 623, 649, 650, 651, 652, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất với những nội dung như vừa nêu trên và không có kháng cáo đối với di sản thừa kế, người thừa kế, kỷ phần thừa kế các đương sự được hưởng và di sản đã hết thời hiệu thừa kế. Do đó, HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Xét kháng cáo của ông K về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 theo hướng chia cho bà B nhận giá trị bằng tiền là 168.000.000 đồng trên tổng diện tích đất được chia là 608,2m^2, ông đồng ý nhận đất trả giá trị cho bà B. Xét thấy, việc bà B được chia thừa kế theo pháp luật và có nhu cầu nhận hiện vật là đất để cất nhà ở là hoàn toàn chính đáng, nên Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho bà B được nhận hiện vật như đã nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông K kháng cáo yêu cầu trả giá trị thừa kế cho bà B với số tiền 168.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của ông K về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng

xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 27/8/2024 theo hướng nếu trường hợp không được chấp nhận, thì yêu cầu bà B trả giá trị cây trồng và tài sản trên đất cho ông với số tiền là 150.000.000 đồng.

[5.1] Đối với cây trồng trên đất: Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ và có kết quả định giá tài sản thì Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo cho các đương sự biết, nhưng phía bị đơn không có yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lại, xem như đã đồng ý với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm. Đến giai đoạn phúc thẩm thì cho rằng còn thiếu cần thẩm định bổ sung, việc thẩm định bổ sung là không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà B đồng ý trả giá trị cây trồng trên đất cho phía bị đơn theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm với số tiền 7.866.000 đồng (bao gồm: Ổi loại B 03 cây, Dừa loại B 10 cây, Xoài loại A 01 cây, Mận loại A 01 cây, Hồng nhung loại B 01 cây, Tràm bông vàng loại A 01 cây), nên HĐXX ghi nhận. Còn các cây trồng khác thì phía bị đơn tự di dời đi nơi khác để giao đất cho bà B.

[5.2] Đối với tài sản trên đất: Theo bản án sơ thẩm phân chia cho bà B được hưởng 05 kỷ phần (trong đó, có 04 kỷ phần được tặng cho), lẽ ra bà B được hưởng phần đất có diện tích 1.022,32m^2, nhưng bà B chỉ xin nhận phần đất có chiều ngang 10m, chiều dài 60m, với diện tích 608,2m^2 là có lợi cho ông K. Việc phân chia cho bà B phần đất ngang, dài và diện tích như vừa nêu không ai có kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B không đồng ý nhận phần đất có chiều ngang lớn hơn và diện tích đất lớn hơn ; người đại diện hợp pháp của bị đơn cũng không đồng ý giao cho bà B phần đất có chiều ngang lớn hơn và diện tích đất lớn hơn, nên HĐXX cấp phúc thẩm không thể phân chia lại diện tích đất đã chia cho bà B để tránh, không phạm vào nhà sinh hoạt cộng đồng và chuồng gà, nên không thể giao nhà sinh hoạt cộng đồng và chuồng gà cho bà B để bà B trả giá trị các tài sản này cho ông K. Nhà sinh hoạt cộng đồng và chuồng gà có kết cấu tiền chế có thể tháo dỡ, di dời được. Đồng thời, nhà sinh hoạt cộng đồng phần lớn nằm trong chỉ giới giao thông. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc phía bị đơn tháo dỡ, di dời các tài sản này đi nơi khác để giao đất cho bà B là có cơ sở, nên ông K kháng cáo yêu cầu bà B trả giá trị tài sản này là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà B đồng ý hỗ trợ tháo dỡ, di dời các tài sản này cho phía bị đơn với số tiền 5.000.000 đồng, nên HĐXX ghi nhận. Ngoài ra, trên phần đất giao cho bà B có 01 nhà tạm nấu cơn phía sau chuồng gà, chiều ngang 02m, chiều dài 5,25m, kết cấu cột gỗ địa phương, vách lá, lợp tol thiếc, nền lát gạch tàu cũng cần tháo dỡ, di dời đi nơi khác để giao đất cho bà B, nhằm đảm bảo giai đoạn thi hành án.

[6] Từ những nhận định như vừa nêu trên, kháng cáo của ông K là có căn cứ chấp nhận một phần, nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà B, theo hướng giao cho bà B các cây trồng trên đất theo kết quả thẩm định giá tài sản ở cấp sơ thẩm và buộc bà B trả cho ông K giá trị cây trồng với số tiền 7.866.000 đồng và hỗ trợ tháo dỡ, di dời các tài sản với số tiền 5.000.000 đồng, tổng cộng 12.866.000 đồng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định loại đất phân chia thừa kế cho bà B và ông K là loại đất gì, nên HĐXX xác định bổ sung cho đầy đủ. Theo đó, phần

đất tranh chấp được chia thừa kế diện tích 2.862,5m^2 (có 300m^2 đất ở tại nông thôn và phần đất còn lại là đất trồng cây lâu năm), nên trong phần đất chia cho bà B có 100m^2 đất ở tại nông thôn, còn lại là đất trồng cây lâu năm và trong phần đất chia thừa kế và công nhận cho ông K có 200m^2 đất ở tại nông thôn, còn lại là đất trồng cây lâu năm.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, đề nghị ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà B là có căn cứ chấp nhận. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông K là có căn cứ chấp nhận một phần như nhận định ở phần trên.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở cấp sơ thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm không có liên quan đến việc phân chia di sản thừa kế, nên HĐXX không xác định lại án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ở cấp sơ thẩm theo quy định tại Điều 147, 157, 158, 165, 166 của Bộ Luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm có liên quan đến một phần kháng cáo, nên ông K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do ông K là người dân tộc thiểu số được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên không đặt ra xem xét việc hoàn trả lại.

[10] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 990.000 đồng. Do yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ của ông K là không có căn cứ, không được chấp nhận nên ông K phải chịu số tiền này và đã nộp xong theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[11] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Tuyết và áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng theo hướng buộc bà B trả cho ông K giá trị cây trồng trên đất và hỗ trợ tháo dỡ, di dời tài sản trên đất là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 2 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Thiện K.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024, về việc tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích 654,2m^2, thuộc một phần thửa đất số 326 (25), tờ bản đồ số 04 (56) do ông Trần Hoàng Â đang quản lý, sử dụng và một phần đất trước đây thuộc một phần thửa đất số 326, tờ bản đồ số 04 nhưng nay đã tách thành thửa đất số 682, tờ bản đồ số 04 do ông Khưu Ô đang quản lý, sử dụng, đồng thời đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Thiện Y để lại là quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa đất số 326 (25), tờ bản đồ số 04 (56), tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, do hết thời hiệu thừa kế.

2.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị B về việc phân chia phần di sản của cụ Quách Thị Z; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Thiện K về việc công nhận quyền sử dụng đất đối với phần di sản của cụ Trần Thiện Y, do hết thời hiệu thừa kế, cụ thể như sau:

** Bà Trần Thị B được hưởng thừa kế phần đất có diện tích 608,2m^2 (trong đó, đất ở tại nông thôn diện tích 100m^2 và đất trồng cây lâu năm diện tích 508,2m^2), thuộc một phần thửa đất số 326 (25), tờ bản đồ số 04 (56), tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp phần đất chia cho ông Trần Thiện K, có số đo 60m. Hướng Tây giáp phần đất ông Trần Hoàng Â đang quản lý, sử dụng và một phần thửa đất số 1243-ĐC4, có số đo 44,15m + 15,85m. Hướng Nam giáp Đường huyện 73, có số đo 10m. Hướng Bắc giáp phần đất chia cho ông Trần Thiện K, có số đo 10m.*

- Phần đất bà Trần Thị B được chia có một phần đất thuộc chỉ giới giao thông diện tích 99,4m^2, số đo tứ cận thể hiện theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ngã Năm.

- Giao cho bà Trần Thị B một số cây trồng trên đất gồm: Ổi loại B 03 cây, Dừa loại B 10 cây, Xoài loại A 01 cây, Mận loại A 01 cây, Hồng nhung loại B 01 cây, Tràm bông vàng loại A 01 cây). Buộc bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thiện K giá trị cây trồng trên đất số tiền 7.866.000 đồng và hỗ trợ tháo dỡ, di dời tài sản trên đất số tiền 5.000.000 đồng; tổng cộng số tiền 12.886.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc ông Trần Thiện K, bà Danh Thị Đ, chị Trần Thị Mộng Y, anh Nguyễn Văn X, anh Trần Hoài Y có nghĩa vụ di dời một số cây trồng trên đất (trừ số cây trồng giao cho bà Trần Thị B) và tháo dỡ, di dời nhà sinh hoạt cộng đồng, chuồng

gà và nhà tạm nấu cơn phía sau chuồng gà gắn liền trên phần đất diện tích 608,2m^2 mà bà Trần Thị B được hưởng thừa kế để giao đất cho bà Trần Thị B.

** Ông Trần Thiện K được hưởng thừa kế phần đất còn lại trong khối di sản của cụ Quách Thị Z và công nhận cho ông Trần Thiện K được quyền sử dụng đất đối với phần di sản của cụ Trần Thiện Y, do hết thời hiệu thừa kế, có tổng diện tích đo đạc thực tế là 2.254,3m^2 (trong đó, đất ở tại nông thôn diện tích 200m^2 và đất trồng cây lâu năm diện tích 2.054,3m^2), thuộc một phần thửa đất số 326 (25), tờ bản đồ số 04 (56) tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp các thửa đất số 107, 1210-ĐC4, có số đo 10,35m + 36,48m + 25,04m + 0,60m + 15,97m + 63,20m. Hướng Tây giáp phần đất chia cho bà Trần Thị B và các thửa đất số 1243-ĐC4, 1152-ĐC4, có số đo 60m + 10m + 37,17m + 32,49m. Hướng Nam giáp Đường huyện 73, có số đo 20,28 m. Hướng Bắc giáp thửa đất số 1179-ĐC4, có số đo 9,67m.*

- Phần đất ông Trần Thiện K được hưởng thừa kế và được công nhận có một phần đất thuộc chỉ giới giao thông diện tích 203,6m^2, số đo tứ cận cụ thể theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Ngã Năm.

(Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất đã gửi kèm theo bản án sơ thẩm).

2.4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Thiện K về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Thiện K đối với phần di sản của cụ Quách Thị Z để lại có diện tích là 1.431,25m^2 (151,5m^2 chỉ giới giao thông), thuộc thửa đất số 326 (25), tờ bản đồ số 04 (56), tọa lạc tại Ấp T, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2.5. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.130.000 đồng (Một triệu một trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011066 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông Trần Thiện K được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

2.6. Chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn bà Trần Thị B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 7.243.935 đồng (Bảy triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng). Bị đơn ông Trần Thiện K phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.642.323 đồng (Mười triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm hai mươi ba đồng). Do bà Trần Thị B đã nộp tạm ứng trước toàn bộ chi phí tố tụng, nên ông Trần Thiện K có nghĩa vụ nộp số tiền 10.642.323 đồng (Mười triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm hai mươi ba đồng) để hoàn trả lại cho bà Trần Thị B.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thiện K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 990.000 đồng (Chín trăm chín mươi nghìn đồng), ông Trần Thiện K phải chịu số tiền này và đã nộp xong.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn